

BÁO CÁO

**Sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình
trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn xã**

Căn cứ Công văn số 2188/SYT-CSXH ngày 25/10/2025 của Sở Y tế về việc Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2025 và đề xuất Chương trình giai đoạn 2026-2030;

Ủy ban nhân dân xã báo cáo Sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Công tác chỉ đạo, điều hành, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, huyện cũ; Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện triển khai các văn bản đến với các cơ quan, đơn vị và cộng đồng xã hội nhằm tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm, vị trí của công tác xã hội trong chăm sóc người khuyết tật và các đối tượng yếu thế khác. Đồng thời, triển khai thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến việc bảo vệ, chăm sóc và trợ giúp người khuyết tật, các chương trình, dự án sinh kế... đến với người khuyết tật nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống của người khuyết tật tạo điều kiện người khuyết tật tham gia bình đẳng vào các hoạt động của xã hội, xây dựng môi trường không rào cản đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người khuyết tật và hỗ trợ người khuyết tật phát huy khả năng của mình.

Kinh phí chi trả cho người khuyết tật (nặng, đặc biệt nặng) luôn được đảm bảo, kịp thời.

2. Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu

- Đạt được:

+ Các chính sách liên quan đến người khuyết tật được triển khai đến với các đối tượng kịp thời; nhận thức của cộng đồng về người khuyết tật được nâng lên.

+ Người khuyết tật được tiếp cận các dịch vụ y tế, được hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định;

+ Trẻ em và người khuyết tật trên địa bàn xã được phẫu thuật chỉnh hình, phục hồi chức năng và cung cấp dụng cụ trợ giúp phù hợp như xe lăn...

+ Trẻ khuyết tật ở độ tuổi mầm non và phổ thông được tiếp cận giáo dục, trẻ em khuyết tật trong độ tuổi đi học được hỗ trợ học tập, hòa nhập cộng đồng.

+ Người khuyết tật tham gia giao thông được miễn, giảm giá vé theo quy định.

+ Cán bộ làm công tác trợ giúp người khuyết tật được tập huấn, nâng cao năng lực quản lý, chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật.

+ Phụ nữ khuyết tật được trợ giúp dưới các hình thức khác nhau khi có nhu cầu như vay vốn, hỗ trợ sinh kế....

- Tồn tại, hạn chế:

+ Tỷ lệ gia đình có người khuyết tật được tập huấn về kỹ năng, phương pháp chăm sóc phục hồi chức năng cho người khuyết tật; người khuyết tật chưa được tập huấn các kỹ năng sống.

+ Địa phương chưa có tổ chức của người khuyết tật.

+ Số lượng người khuyết tật được hỗ trợ học nghề, giới thiệu việc làm chưa có, lý do: phần lớn người khuyết tật chưa có nhu cầu học nghề hoặc sức khỏe, trình độ không đảm bảo nên phần lớn một số người khuyết tật chủ yếu làm nông.

3. Đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động chính của đề án

- Trợ giúp y tế

Đảm bảo 100% người khuyết tật có bảo hiểm y tế theo quy định; thực hiện tuyên truyền, tư vấn và cung cấp dịch vụ về chăm sóc sức khỏe sinh sản; hàng năm phối hợp với Hội chữ thập đỏ cấp trên đăng ký hỗ trợ dụng cụ trợ giúp cho người khuyết tật như xe lăn...

Trên địa bàn xã chưa có mạng lưới cung cấp dịch vụ phát hiện sớm, can thiệp sớm khuyết tật, phục hồi chức năng và phẫu thuật chỉnh hình. Việc triển khai chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng còn hạn chế.

- Trợ giúp giáo dục

Triển khai các văn bản chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật, bảo đảm phổ cập giáo dục Trung học cơ sở đối với người khuyết tật và thực hiện chính sách ưu đãi đối với giáo viên, nhân viên tham gia giáo dục trẻ khuyết tật.

Trẻ khuyết tật ở độ tuổi đến trường được tiếp cận giáo dục, được hỗ trợ học tập, hòa nhập.

- Trợ giúp giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm và hỗ trợ sinh kế:

+ Trợ giúp giáo dục nghề nghiệp, việc làm: Chưa thực hiện được, lý do: phần lớn người khuyết tật chưa có nhu cầu học nghề, một số người khuyết tật chủ yếu làm nông.

+ Hỗ trợ sinh kế, vay vốn: Một số người khuyết tật còn sức lao động hoặc hộ gia đình có người khuyết tật được quan tâm và được hỗ trợ sinh kế như hỗ trợ kinh phí để chăn nuôi (heo...) hoặc tham gia các dự án phát triển sản xuất, các dự án phát triển kinh tế.... từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình vùng... đồng thời, được hỗ trợ vay vốn ưu đãi để tạo việc làm, sản xuất ...

- Phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai:

Công tác phòng chống dịch bệnh và phòng chống thiên tai hàng năm luôn được quan tâm, đặc biệt là người yếu thế, người khuyết tật... Trong thời công nghệ số, chuyên đổi số hiện nay, phần lớn các gia đình hầu như có điện thoại, điện thoại thông minh, việc nắm bắt cập nhật số điện thoại của các đối tượng khuyết tật, gia đình có người khuyết tật cũng như hệ thống phát thanh trên địa bàn xã đảm bảo thuận tiện cho việc thông báo, thông tin cảnh báo sớm để ứng phó với dịch bệnh và thiên nhiên.

- Hỗ trợ người khuyết tật trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch:

Điều kiện cơ sở vật chất thể thao, thư viện, các điểm tham quan du lịch, phương tiện... của địa phương còn thiếu, đặc biệt điều kiện hoàn cảnh của người khuyết tật trên địa bàn còn rất khó khăn nên việc tiếp cận và tham gia các môn thể thao dành cho người khuyết tật, tham gia môi trường đọc và tiếp cận các điểm tham quan du lịch, nhà hàng, khách sạn... hầu như chưa có.

- Trợ giúp phụ nữ khuyết tật:

Truyền thông, giáo dục, vận động nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cộng đồng về thực hiện các chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ yếu thế; kết nối phụ nữ có nhu cầu tới các dịch vụ sẵn có nhằm hỗ trợ tiếp cận với chính sách an sinh xã hội.

- Hỗ trợ người khuyết tật sống độc lập và hòa nhập cộng đồng:

Hàng năm phối hợp với hội chữ thập đỏ huyện cũ, Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện cũ hỗ trợ dụng cụ trợ giúp người người khuyết tật như xe lăn....

- Nâng cao nhận thức, năng lực chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật và giám sát đánh giá:

Tổ chức tuyên truyền pháp luật về người khuyết tật và những chủ trương, chính sách, chương trình trợ giúp người khuyết tật; cử cán bộ, công chức tham gia các khóa đào tạo, tập huấn liên quan đến trợ giúp người khuyết tật.

Công tác tập huấn cho gia đình người khuyết tật về kỹ năng, phương pháp chăm sóc và phục hồi chức năng cho người khuyết tật; tập huấn các kỹ năng sống cho người khuyết tật còn hạn chế chưa thực hiện được.

Nhìn chung các hoạt động của Chương trình được triển khai đồng bộ, đạt hiệu quả; chính sách trợ giúp đến kịp thời, đúng đối tượng, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người khuyết tật trên địa bàn xã.

Tuy nhiên trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: nguồn kinh phí hỗ trợ cho người khuyết tật còn hạn chế, nhiều hoạt động của Chương trình chưa được triển khai thường xuyên. Nguyên nhân do kinh phí hỗ trợ từ cấp trên phân bổ còn hạn hẹp; số người khuyết tật hoàn cảnh khó khăn, sức khỏe yếu, ngại tham gia các hoạt động cộng đồng;

công chức phụ trách người khuyết tật kiêm nhiều mảng nên việc tiếp cận các văn bản, tham mưu thực hiện Chương trình còn hạn chế.

4. Nhận xét, đánh giá chung

- Về tính hiệu quả của Chương trình:

Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2025 được triển khai có hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Các hoạt động trợ giúp của Chương trình đã góp phần cải thiện phần nào về đời sống vật chất và tinh thần cho người khuyết tật; bảo đảm quyền được chăm sóc, học tập, lao động và hòa nhập xã hội và tạo điều kiện cho người khuyết tật được tiếp cận với các dịch vụ y tế, giáo dục, ... từng bước tạo điều kiện cho người khuyết tật xóa bỏ những mặc cảm, tự ti, nỗ lực vươn lên tham gia bình đẳng vào các hoạt động kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng cộng đồng xã hội.

Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị được duy trì tạo sức lan tỏa trong cộng đồng.

Nhìn chung chương trình mang lại hiệu quả xã hội tích cực, thể hiện rõ tính nhân văn, góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội và phát triển bền vững tại địa phương.

- Mặt tồn tại, hạn chế

Do nguồn lực cấp trên phân bổ và nguồn lực địa phương có hạn, đồng thời hoàn cảnh người khuyết tật còn khó khăn nên việc thực hiện các hoạt động của Chương trình chưa toàn diện, chưa sâu.

- Bài học kinh nghiệm:

Sự quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn của tỉnh, sở, của cấp ủy, sự phối hợp của UBMTTQVN xã cùng các tổ chức chính trị-xã hội, các cơ quan, đơn vị, ngành, sự phối hợp của người khuyết tật và cộng đồng là yếu tố quyết định để thực hiện hiệu quả các chính sách trợ giúp người khuyết tật.

Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về người khuyết tật, góp phần thúc đẩy hòa nhập xã hội bền vững.

Công tác điều tra, thống kê, cập nhật thông tin người khuyết tật phải được thực hiện thường xuyên, chính xác để làm căn cứ xây dựng kế hoạch trợ giúp phù hợp;

Việc huy động các nguồn lực xã hội hóa đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng các hoạt động hỗ trợ, giảm gánh nặng ngân sách nhà nước.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Thực trạng tình hình

a. Về người khuyết tật

- Tổng số người khuyết tật hiện nay là: 95 người (dự báo tăng đến năm 2030 là 140 đối tượng); cụ thể số đối tượng đã được cấp Giấy xác nhận hiện nay

là 95 đối tượng với các dạng tật: Vận động (37), nghe, nói (12), nhìn(12), Thần kinh tâm thần (32), Trí tuệ (2).

Trong đó:

+ Người khuyết tật đặc biệt nặng: 20 người;

+ Người khuyết tật nặng: 73 người;

+ Người khuyết tật nhẹ: 02 người.

- Số người khuyết tật đang được hưởng các chính sách trợ giúp: số được trợ cấp xã hội hàng tháng là 93 người; số người được cấp thẻ Bảo hiểm y tế là 95 người.

- Qua rà soát đa số người khuyết tật trên địa bàn có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đời sống còn nhiều hạn chế. Nhu cầu hỗ trợ tập trung chủ yếu vào các nội dung như: Hỗ trợ sinh kế và tạo việc làm: vay ưu đãi vốn, hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi, buôn bán để tạo nguồn thu nhập...; Hỗ trợ y tế và phục hồi chức năng: đa số người khuyết tật mong muốn được khám sức khỏe định kỳ, cấp dụng cụ trợ giúp (xe lăn, máy trợ thính, ...);

b. Về đội ngũ cán bộ, chương trình, dự án hỗ trợ hiện có:

Phòng Văn hóa - Xã hội xã có 01 công chức phụ trách lĩnh vực bảo trợ xã hội.

Các tổ chức đại diện, tổ chức của người khuyết tật hiện có trên địa bàn: Chưa có.

Các chương trình, dự án được triển khai có trọng tâm, mang lại hiệu quả thiết thực góp phần đảm bảo an sinh xã hội và cải thiện đời sống cho người khuyết tật trên địa bàn xã.

2. Những vấn đề đặt ra trong vấn đề đảm bảo quyền, hỗ trợ người khuyết tật hiện nay

Một số văn bản hướng dẫn thi hành Luật người khuyết tật chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời để phù hợp với tình hình mới;

Mức trợ cấp hàng tháng cho đối tượng người khuyết tật còn thấp, chưa đảm bảo mức sống tối thiểu.

Người khuyết tật còn mặc cảm, e ngại tham gia các hoạt động cộng đồng dẫn đến hạn chế trong hòa nhập cộng đồng;

Hạ tầng công trình công cộng (đường, trường học, trụ sở, cơ sở y tế) chưa được thiết kế đồng bộ, thiếu đường dốc, tay vịn, bảng chỉ dẫn... cho người khuyết tật.

Cơ hội học nghề, tạo việc làm cho người khuyết tật còn ít. Người khuyết tật thiếu kỹ năng nghề và vốn để tự tạo việc làm.

Kinh phí dành cho chương trình trợ giúp người khuyết tật còn hạn hẹp, chủ yếu từ ngân sách nhà nước.

3. Đề xuất, kiến nghị các nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026-2030

- Tiếp tục đưa ra các chính sách trợ giúp người khuyết tật nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống của người khuyết tật.
- Tiếp tục quan tâm bố trí kinh phí thực hiện Chương trình trợ giúp Người khuyết tật giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã;
- Tăng cường hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, công chức cơ sở về công tác quản lý và hỗ trợ người khuyết tật;
- Quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng thân thiện, đảm bảo người khuyết tật được tiếp cận thuận tiện sinh hoạt và tham gia xã hội.

Trên đây là báo cáo Sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn xã, Ủy ban nhân dân xã Ba Đình kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- TT Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- UBMTTQVN xã;
- VP HĐND&UBND;
- Phòng VHXXH;
- Công TTĐT xã;
- Lưu: VT, VHXXH(ptyt).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Nhung

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BA DINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Phụ lục 2
BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU
SƠ KẾT 05 NĂM (2021-2025) THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRỢ GIÚP
NGƯỜI KHUYẾT TẬT GIAI ĐOẠN 2021-2030
(Kèm theo Báo cáo số: 236 /BC-UBND ngày 30/10/2025 của UBND xã Ba Dinh)

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I	THỰC TRẠNG			
1	Người khuyết tật			
1.1	Tổng số người khuyết tật (NKT) dự kiến	người	95	
	<i>Trong đó:</i>			
1.2	Số đã được cấp Giấy xác định mức độ khuyết tật	người	95	
a)	<i>Trong đó chia theo mức độ khuyết tật</i>			
	Khuyết tật nhẹ	người	02	
	Khuyết tật nặng	người	73	
	Khuyết tật đặc biệt nặng	người	20	
b)	<i>Trong đó chia theo dạng tật</i>			
	Khuyết tật vận động	người	37	
	Khuyết tật nghe và nói	người	12	
	Khuyết tật nhìn	người	12	
	Khuyết tật thần kinh, tâm thần	người	32	
	Khuyết tật trí tuệ	người	02	
	Khuyết tật khác	người		
1.3	Số chưa được cấp Giấy xác định mức độ khuyết tật nhưng đang hưởng các chế độ hỗ trợ khác (thương binh, bệnh binh, nạn nhân chất độc da cam...)	người	95	
1.4	Số NKT được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Luật Người khuyết tật	người	93	
	<i>Trong đó</i>			
a)	Số đang được chăm sóc tại cơ sở bảo trợ xã hội	người		
b)	Số người được trợ cấp xã hội hàng tháng	người	93	
c)	Số người được cấp thẻ Bảo hiểm y tế	người	95	
2	Đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp NKT			
2.1	Số công chức (cấp xã)	người	01	
2.2	Số viên chức, người lao động trực tiếp tại cơ sở cung cấp dịch vụ hoặc cộng tác viên ở cộng đồng	người	0	

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
3	Tổ chức đại diện của NKT, chương trình, dự án hỗ trợ			
3.1	Số lượng tổ chức đại diện, tổ chức của người khuyết tật hiện có trên địa bàn (trung tâm, câu lạc bộ, hội...)	tổ chức		
3.2	Số lượng chương trình, dự án hỗ trợ người khuyết tật đang thực hiện trên địa bàn (bao gồm các CT, DA của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước).	CT, dự án	01	
II	KẾT QUẢ THỰC HIỆN 2021-2025			
1	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và chỉ đạo, điều hành			
	Số lượng văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ về trợ giúp NKT trong phạm vi quản lý (công văn chỉ đạo, chương trình, kế hoạch....)	văn bản		
2	Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật			
2.1	Số buổi truyền thông	buổi		
2.2	Số người tham gia các buổi truyền thông	lượt người		
2.3	Số lượng tài liệu tuyên truyền (panô, áp phích, sổ tay, tờ rơi...) được in ấn, phát hành	tài liệu		
3	Bố trí kinh phí cho Chương trình			
3.1	Tổng số kinh phí chi cho công tác trợ giúp NKT	triệu đồng		
	<i>Trong đó:</i>			
a)	Từ ngân sách TW	triệu đồng		
b)	Từ ngân sách địa phương	triệu đồng		
c)	Từ nguồn khác (tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước)	triệu đồng		
4	Tập huấn nâng cao năng lực Đội ngũ cán bộ			
4.1	Số lớp tập huấn	người		
4.2	Số cán bộ được tham gia các khoá tập huấn	người	01	
5	Kết quả thực hiện các hoạt động theo mục tiêu của Chương trình			
5.1	Trợ giúp y tế			
a)	Tỷ trọng người khuyết tật tiếp cận các dịch vụ y tế dưới các hình thức khác nhau (trong tổng số người khuyết tật)	%	100	

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
b)	Tỷ trọng trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi được sàng lọc phát hiện sớm khuyết tật bẩm sinh, rối loạn phát triển và được can thiệp sớm các dạng khuyết tật (trong tổng số trẻ khuyết tật)	%		
c)	Số trẻ em và người khuyết tật được phẫu thuật chỉnh hình, phục hồi chức năng và cung cấp dụng cụ trợ giúp phù hợp	người	01	
5.2	Trợ giúp giáo dục, dạy nghề, việc làm			
a)	Số cơ sở giáo dục chuyên biệt/trung tâm hỗ trợ giáo dục	cơ sở		
b)	Số trẻ khuyết tật đang học hoà nhập	trẻ em	04	
c)	Số trẻ khuyết tật đang học tại các cơ sở chuyên biệt	trẻ em		
d)	Tỷ trọng trẻ khuyết tật ở độ tuổi mầm non và phổ thông được tiếp cận giáo dục (trong tổng số trẻ khuyết tật).	%		
e)	Số cơ sở giáo dục nghề nghiệp chuyên biệt đào tạo nghề nghiệp cho người khuyết tật được hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất thiết bị phù hợp	cơ sở		
f)	Số người khuyết tật được đào tạo nghề	người		
g)	Số cơ sở sản xuất kinh doanh của người khuyết tật	cơ sở		
h)	Số người được giới thiệu việc làm	người		
i)	Số người được vay vốn từ Quỹ quốc gia giải quyết việc làm	người		
k)	Số cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng lao động là người khuyết tật được vay vốn từ Quỹ quốc gia về giải quyết việc làm	cơ sở		
l)	Số người được hỗ trợ sinh kế	người	05	
5.3	Trợ giúp tiếp cận công trình xây dựng và giao thông			
a)	Tỷ trọng công trình xây dựng công cộng (<i>trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước; nhà ga, bến xe, bến tàu; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở giáo dục, dạy nghề, công trình văn hóa, thể dục thể thao; nhà chung cư</i>) xây mới bảo đảm điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật (trong tổng số công trình xây mới)	%		
b)	Tỷ trọng công trình xây dựng công cộng cũ đảm bảo điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật (trong tổng số công trình hiện có)	%		
c)	Tỷ trọng người khuyết tật có nhu cầu tham gia giao thông được sử dụng phương tiện giao thông	%		

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận hoặc dịch vụ trợ giúp tương đương (trong tổng số người khuyết tật có nhu cầu)			
d)	Tỷ trọng người khuyết tật tham gia giao thông được miễn, giảm giá vé theo quy định (trong tổng số người khuyết tật có nhu cầu).	%		
e)	Số lượt người được miễn giảm giá vé khi tham gia giao thông	lượt người		
	- Đường bộ	lượt người		
	- Hàng không	lượt người		
	- Đường sắt	lượt người		
5.4	Phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai			
a)	Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn có đại diện người khuyết tật là thành viên	Xã/phường	0	
b)	Số người khuyết tật được tham gia các mô hình phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai bảo đảm khả năng tiếp cận đối với người khuyết tật	người		
c)	Số người khuyết tật được nhận thông tin cảnh báo sớm để ứng phó với dịch bệnh và thiên tai thông qua các ứng dụng công nghệ, thiết bị chuyên dụng.	người	95	
5.5	Trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông			
a)	Tỷ lệ người khuyết tật được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông so với tỷ lệ chung cả nước.	%	28	
b)	Tỷ trọng các tỉnh/thành phố có Câu lạc bộ thể dục thể thao người khuyết tật có thể tiếp cận (trong tổng số 34 tỉnh, thành phố trên toàn quốc)	%	0	
c)	Tỷ trọng người khuyết tật được hỗ trợ tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật và biểu diễn nghệ thuật (trong tổng số người khuyết tật có nhu cầu)	%	0	
d)	Tỷ trọng thư viện công cộng cấp tỉnh tổ chức được không gian đọc, đảm bảo tiện ích thư viện chuyên dụng (trong tổng số thư viện công cộng cấp tỉnh).	%	0	
5.6	Trợ giúp pháp lý			
a)	Số cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng khi thực hiện việc trợ giúp pháp lý đối với người khuyết tật	người		
b)	Tỷ trọng người khuyết tật có khó khăn về tài chính được cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý khi có nhu cầu (trong tổng số người khuyết tật có khó khăn	%		

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	về tài chính)			
c)	Số lượt người được trợ giúp pháp lý	lượt người		
5.7	Hỗ trợ người khuyết tật sống độc lập và hòa nhập cộng đồng; hỗ trợ phụ nữ khuyết tật			
a)	Tỷ trọng gia đình có người khuyết tật được tập huấn về kỹ năng, phương pháp chăm sóc phục hồi chức năng cho người khuyết tật (trong tổng số gia đình có người khuyết tật)	%		
b)	Tỷ trọng người khuyết tật được tập huấn các kỹ năng sống (trong tổng số người khuyết tật)	%		
c)	Tỷ trọng phụ nữ khuyết tật được trợ giúp dưới các hình thức khác nhau (trong tổng số người khuyết tật)	%		
d)	Tỷ trọng các xã có tổ chức của người khuyết tật	%		
e)	Số địa phương có tổ chức (Hội) của người khuyết tật	xã		
f)	Số người khuyết tật tham gia tổ chức (Hội) của người khuyết tật	người		